

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2024/HS-ST
Ngày: 13 tháng 8 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Tài và bà Lê Huỳnh Ngọc Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Cù Thị Ngọc Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thái Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn B (tên gọi khác: Không), sinh ngày 20/10/1993, nơi sinh: huyện T, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp A, xã C, huyện T, tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: Ấp A, xã C, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974 và bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1974; anh chị em có 02 người, bị cáo là con thứ nhất; vợ Võ Thị L (đã ly hôn), có 02 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, từ ngày 25/4/2024 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Phạm Thị N, sinh năm 2003, nơi cư trú: Tổ I, ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang; (có mặt)

Người làm chứng:

Bà Lê Thị Thúy H; bà Nguyễn Thị N1; ông Nguyễn Văn K; ông Nguyễn Văn Đ (có mặt N1, K, Đ; vắng mặt H ủy quyền cho N1 (giấy ủy quyền ngày 07/8/2024)).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B: Ông Ngô Văn S, sinh năm 1972; địa chỉ: Đường N, tổ C, khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang – Luật sư thành viên của Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh C (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 4 năm 2022, Nguyễn Văn B và Phạm Thị N chung sống như vợ chồng với nhau và thuê phòng 17 Nhà trọ T1, thuộc ấp A, xã C, huyện T, tỉnh An Giang để sinh sống. Đến khoảng 18 giờ ngày 20/10/2023, N đi làm về, thấy B say rượu và không lo làm đồ ăn cơm, thì giữa B và N xảy ra cự cãi với nhau, rồi B lên giường nằm ngủ, còn N đi tắm xong cũng vào giường nằm, lúc này N nhiều lần có lời lẽ trách móc B không lo cho gia đình. Tức giận, B dùng tay đánh N nhiều cái vào vùng mặt, làm N bị ngã nằm xuống nệm giường, thì B tiếp tục dùng chân phải đạp 02 cái vào vùng mặt của N gây chảy máu B mới dừng lại. Bị thương, N gọi điện nhờ Lê Thị Thúy H và Nguyễn Thị N1 chở đi cấp cứu và trình báo Công an xã C. Ngày 23/02/2023, N làm đơn yêu cầu khởi tố hình sự. Ngày 25/4/2024, B bị khởi tố và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

* Vật chứng thu giữ: Không

Theo kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 75 ngày 02/3/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh A đối với Phạm Thị N, nơi cư trú: Tổ I, ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang, kết luận:

Chấn thương vùng mặt phải:

- Sung bầm mắt phải hiện tại không để lại thương tích: tỷ lệ 00%.
- Sung bầm mắt phải hiện tại không để lại thương tích: tỷ lệ 00%.
- Gãy xương hàm gò má phải, đã phẫu thuật kết hợp xương: tỷ lệ 10% .
- Gãy xương chính mũi, điều trị nội khoa: tỷ lệ 07%.

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên đối với Phạm Thị N là 16%, do vật tày gây nên (bút lục số 25-27).

Tại cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Văn B, bị hại Phạm Thị N, người làm chứng là các ông, bà Lê Thị Thúy H, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn Đ khai phù hợp với nội dung vụ án (bút lục 116-123).

Bản cáo trạng số 47/CT-VKSTT ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Văn B vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 9 (chín) tháng đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng đến 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng về tội “Cố ý gây thương tích”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại N đã nhận số tiền 55.500.000 đồng, không yêu cầu gì thêm, nên không đặt ra xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B có ý kiến bào chữa: Trước hết tôi thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố, chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo B. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; hiện bị cáo đang nuôi con nhỏ; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn, hối cải, bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 55.500.000 đồng; ngoài ra do bị hại có những lời lẽ xúc phạm mẹ bị cáo nên bị cáo không kìm chế được nên bị cáo mới gây thương tích cho bị hại. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, e, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự để xem xét và cân nhắc khi lượng hình đối với bị cáo B.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì khác, lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người làm chứng về thời gian,

địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Bị cáo Nguyễn Văn B đã có hành vi dùng tay, chân đánh và đập nhiều cái vào vùng mặt của Phạm Thị N gây thương tích 16%.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền đến sức khỏe của bị hại mà còn gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội tại địa phương. Sức khỏe là vốn quý được pháp luật bảo vệ.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức rõ hành vi làm tổn hại đến sức khỏe của người khác là vi phạm pháp luật. Trong vụ án này bị cáo và bị hại đang chung sống với nhau như vợ chồng chưa đăng ký kết hôn, chỉ vì những lời lẽ mâu thuẫn nhỏ mà bị cáo đã có hành vi dùng tay, chân đánh và đập nhiều cái vào vùng mặt của bị hại N gây thương tích 16%, trong trường hợp này lẽ ra bị cáo nên kiềm chế bản thân, có nhiều cách để giải quyết vấn đề, nhưng bị cáo lại dùng bạo lực để giải quyết là vi phạm pháp luật. Do đó, cần phải có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại N số tiền 55.500.000 đồng để khắc phục hậu quả; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi con nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Do đó, không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, e, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự để xem xét và cân nhắc khi lượng hình đối với bị cáo B. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo B đã có hành vi dùng tay chân đập nhiều cái vào vùng mặt của bị hại, sau khi gây thương tích cho bị hại, bị cáo vẫn nhận thức được hành vi của bị cáo, nên đề nghị của người bào chữa về áp dụng thêm điểm e khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận đề nghị này của người bào chữa.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị hại N đã nhận số tiền bồi thường của bị cáo 55.500.000 đồng, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B (tên gọi khác: Không) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 134; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án ngày 13-8-2024 (ngày mười ba tháng tám năm hai ngàn không trăm hai mươi bốn).

Giao bị cáo Nguyễn Văn B cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo. Trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát huyện Tri Tôn;
- Công an huyện Tri Tôn;
- Cục thi hành án huyện Tri Tôn;
- Thi hành án hình sự;
- Nhà tạm giam Công an huyện Tri Tôn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Nữ Ngọc Lan